

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 19/2019/HS-ST

Ngày: 24-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Duy Phước và bà Trần Thị Kia

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2019/TLST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-HS ngày 08/5/2019 đối với các bị cáo:

1. Hoàng D, sinh ngày 13/3/1993 tại C, H1; nơi ĐKNKTT: Thôn X, xã X1, huyện C, tỉnh H1; chỗ ở hiện nay: Tổ 2 (nay là tổ 1), phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Thợ mộc; văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông R1 (chết) và bà R2; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 15/01/2019 đến ngày 25/01/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; có mặt.

2. Ngô D1, sinh ngày 01/10/1984 tại K, H1; nơi ĐKNKTT: Thôn M, xã M1, huyện K, tỉnh H1; chỗ ở hiện nay: Tổ 9 (nay là tổ 5), phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Thợ mộc; văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông G1 (chết) và bà G2; vợ: G3 và có 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 15/01/2019 đến ngày 25/01/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; có mặt.

3. Hoàng T, sinh ngày 08/8/1985 tại V1, V2; nơi cư trú: Tổ 12 (nay là tổ 6), phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Buôn bán; văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông K1 (chết) và bà K2; vợ: K3

và có 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 15/01/2019 đến ngày 25/01/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; có mặt.

4. T1, sinh ngày 04/01/1991 tại C, H1; nơi ĐKNKTT: Thôn Y, xã K1, huyện C, tỉnh H1; chỗ ở hiện nay: Tổ 2 (nay là tổ 1), phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Thợ mộc; văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông P1 và bà P2; vợ: P3 và có 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 15/01/2019 đến ngày 25/01/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; có mặt.

5. Nguyễn V, sinh ngày 28/9/1983 tại A, Gia Lai; nơi cư trú: Tổ 8 (nay tổ 4), phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông H1 và bà H2; vợ: H3 và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 15/01/2019 đến ngày 25/01/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; có mặt.

6. Nguyễn P, sinh ngày 04/01/1979 tại A, Gia Lai; nơi cư trú: Tổ 6 phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: lái xe ; văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đ1 và bà Đ2; vợ: Đ3 và có 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 15/01/2019 đến ngày 25/01/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; có mặt.

** Người làm chứng:*

1. NLC1, sinh năm 1988; trú tại: Tổ 9 (nay là tổ 5), phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 15/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A phát hiện, bắt quả tang tại nhà N (Tổ 09, phường S, thị xã A) các đối tượng Hoàng D, Ngô D1, Hoàng Văn T, T1, Nguyễn V, Nguyễn P đang đánh bạc sát phạt nhau được thua bằng tiền dưới hình thức bài “Cào ba lá”. Khi bắt quả tang, Cơ quan điều tra thu giữ tang vật gồm: tiền tại chiếu bạc là 5.520.000 đồng, tiền trong người các con bạc là 36.727.000 đồng; 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 lá; 01 chiếc bàn nhựa màu đỏ kích thước (43 x 64 x 50)cm; 04 chiếc ghế nhựa màu đỏ kích thước (21 x 26)cm.

Quá trình điều tra xác định: Vào khoảng 21 giờ 00 Pt ngày 15/01/2019, Hoàng D và T1 đến nhà Ngô D1 thuê ở tại Tổ 9, phường S, thị xã A chơi, lúc này có: Nguyễn V, Hoàng T đang ngồi uống nước và nói chuyện trả tiền đực tượng gỗ

cho D1 và T1. Đến khoảng 21 giờ 30 Pt cùng ngày, Hoàng D nói: “Giờ đánh bài cào 03 lá ăn tiền” nghe vậy D1, T1, T, V đồng ý. D lấy bộ bài Tú lơ khơ 52 lá của D1 để trên cửa sổ rồi cùng nhau ngồi tại bộ bàn nhựa trong phòng nhà để đánh bài “Cào ba lá” ăn tiền. Đến khoảng 22 giờ, NLC1 đến ngồi chơi xem các đối tượng đánh bạc, khoảng 22 giờ 55 phút có H đến xem nhưng không tham gia đánh bạc.

Hình thức đánh bài “Cào ba lá” được các đối tượng thỏa thuận như sau:

Mỗi ván một người bỏ ra 20.000 đồng để đánh, không quy định bỏ tiền cọc. Hình thức đánh bài cào 03 lá tính điểm dùng bộ bài Tú lơ khơ 52 lá chia mỗi người 03 lá bài, quân A được tính 01 điểm cho tới quân 9 được tính là 9 điểm, từ quân 10 đến quân K không được tính điểm, ai có 03 quân hình (từ quân J đến quân K gọi là ù sẽ thắng), nếu có điểm bằng nhau thì so nước bài từ Cơ, Rô, Chuồn, Bích; nước Cơ là lớn nhất. Ai có điểm cao nhất sẽ thắng với số tiền mỗi người đã bỏ ra, đồng thời chia bài. Với cách thức như đã quy định: D, D1, T1, T, V đánh được khoảng 01 đến 02 ván thì có Nguyễn P đến, P thấy các đối tượng này đánh bạc cũng tham gia cùng. Đến khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A phát hiện bắt quả tang các đối tượng đang đánh bạc, thu giữ tiền, tang vật liên quan.

Quá trình điều tra xác định số tiền các con bạc sử dụng vào việc đánh bạc cụ thể như sau:

- Hoàng Văn D mang theo số tiền 1.050.000 đồng sử dụng hết vào việc đánh bạc, khi bắt quả tang Cơ quan điều tra thu giữ của D số tiền 1.420.000đ, như vậy, D thắng 370.000 đồng;

- N mang theo số tiền 2.122.000 đồng, Dũng sử dụng số tiền 600.000 đồng vào việc đánh bạc, khi bắt quả tang thu giữ của Dũng số tiền: 550.000 đồng, như vậy Dũng thua 50.000 đồng;

- Hoàng Văn T mang theo số tiền 26.490.000 đồng, T sử dụng số tiền 1.990.000 đồng vào việc đánh bạc, khi bắt quả tang thu giữ của T số tiền 930.000 đồng, như vậy T thua 1.060.000 đồng;

- T1 mang theo số tiền 2.605.000 đồng, Tuyền sử dụng số tiền 1.000.000 đồng vào việc đánh bạc, khi bắt quả tang thu giữ của Tuyền số tiền 800.000 đồng, như vậy Tuyền thua 200.000 đồng;

- V mang theo số tiền 9.300.000 đồng, Vũ sử dụng số tiền 200.000 đồng vào việc đánh bạc, khi bắt quả tang thu giữ của V số tiền 1.100.000 đồng, như vậy Vũ thắng 900.000 đồng;

- P mang theo số tiền 540.000 đồng sử dụng hết vào việc đánh bạc, khi bắt quả tang thu giữ P số tiền 580.000 đồng, như vậy Phú thắng 40.000 đồng;
- Ngoài ra còn thu giữ số tiền trên chiếu bạc là 140.000 đồng, trong đó: có số tiền của 06 con bạc đang đánh là 120.000 đồng, D bỏ thêm 20.000 đồng vì xác định bài đã thua.

Như vậy, tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc trong ngày 15/01/2019 là: **5.520.000** đồng. Đồng thời, thu giữ trong người các con bạc số tiền **36.727.000 đồng**: của Hoàng T 24.500.000 đồng, Ngô D1 1.522.000 đồng, Nguyễn V 9.100.000 đồng, T1 1.605.000 đồng, toàn bộ số tiền này các đối tượng không sử dụng vào việc đánh bạc.

Đối với NLC1, H đến nhà Ngô D1 xem các đối tượng đánh bạc, không tham gia đánh nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A không đề cập xử lý là có căn cứ.

Tại Bản cáo trạng số: 20/CTr-VKS ngày 14/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố các bị cáo Hoàng D, Ngô D1, Hoàng T, T1, Nguyễn V, Nguyễn P về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Hoàng D, Ngô D1, Hoàng T, T1, Nguyễn V, Nguyễn P phạm tội “Đánh bạc”; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo; đề nghị áp dụng Điều 38; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hoàng D; đề nghị áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hoàng T; đề nghị áp dụng Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Ngô D1, Hoàng T, T1, Nguyễn V, Nguyễn P;

Đề nghị xử phạt từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng đối với bị cáo Hoàng D;

Đề nghị xử phạt từ 12 tháng đến 16 tháng cải tạo không giam giữ Hoàng T; xử phạt từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ các bị cáo Ngô D1, và T1; xử phạt từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ các bị cáo Nguyễn V, Nguyễn P và đề nghị khấu trừ từ 05 đến 10% thu nhập của các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung quỹ Nhà nước. Về xử lý vật chứng: Đề nghị căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 lá; 01 chiếc bàn nhựa màu đỏ kích thước (43x64x50)cm; 04 ghế nhựa màu đỏ kích thước (21x26)cm.

Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 5.520.000đ;

Đề nghị trả lại số tiền 36.727.000đ cho các bị cáo gồm: Hoàng T 24.500.000đ; Ngô D1 1.522.000đ; Nguyễn V 9.100.000đ và T1 1.605.000đ.

Đề nghị áp dụng Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Buộc mỗi bị cáo chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án do đó đã có đủ cơ sở xác định: Mặc dù nhận thức được việc đánh bạc trái phép được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vào khoảng 21 giờ 00 Pt ngày 15/01/2019 tại nhà bị cáo Ngô D1 thuê ở: Tổ 09 (nay là tổ 5), phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai các bị cáo Hoàng D, Ngô D1, Hoàng T, T1, Nguyễn V và Nguyễn P đã tham gia đánh bạc trái phép sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh bài cào 03 lá với tổng số tiền mà các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc là 5.520.000 đồng. Như vậy, đã đủ cơ sở xác định các bị cáo Hoàng D, Ngô D1, Hoàng T, T1, Nguyễn V và Nguyễn P phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo thuộc trường hợp phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Ngoài ra, đối với bị cáo Hoàng T có cha, mẹ được Nhà nước tặng thưởng huy chương, bản thân được Công an tỉnh Gia Lai tặng Bằng khen nên áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng và còn làm ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn nên cần phải áp

dụng hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo thì thấy rằng: Trong vụ án này bị cáo Hoàng D phải chịu trách nhiệm chính vì là người khởi xướng, rủ rê việc thực hiện phạm tội và trực tiếp tham gia đánh bạc nên cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc hơn đối với các bị cáo khác; đối với các bị cáo Ngô D1, T1, Hoàng T, Nguyễn V và Nguyễn P khi được D rủ rê đã đồng ý và tham gia đánh bạc một cách tích cực nên cũng cần áp dụng hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội đối với các bị cáo. Tuy nhiên trong số các bị cáo này Hoàng T là người sử dụng số tiền vào việc đánh bạc nhiều hơn các bị cáo khác, sau đó đến bị cáo T1 và Ngô D1; hai bị cáo Nguyễn P và Nguyễn V sử dụng số tiền vào việc đánh bạc thấp nhất trong số các bị cáo khác nên sẽ được phân hóa khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo.

Xét về nhân thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo Hoàng D; các bị cáo Ngô D1, T1, Hoàng T, Nguyễn V và Nguyễn P chỉ cần xử phạt hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe.

[6] Về tố tụng: Trong vụ án này còn có NLC1, H đến nhà Ngô D1 xem các đối tượng đánh bạc, không tham gia đánh nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A không đề cập xử lý và xác định là người làm chứng là có căn cứ. Đối với chị Ma Thị Thu Thùy và Nguyễn Thị Nguyệt trong quá trình điều tra và truy tố xác định là tư cách tố tụng là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay quá trình xét hỏi, Hội đồng xét xử thấy chị Thùy và chị Nguyệt không có quyền lợi, hay nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án, nên không xác định tư cách chị Thùy, chị Nguyệt là Người có quyền lợi liên quan trong vụ án này.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 lá; 01 chiếc bàn nhựa màu đỏ kích thước (43x64x50)cm; 04 ghế nhựa màu đỏ kích thước (21x26)cm là công cụ phương tiện phạm tội và không có giá trị sử dụng xét tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 5.520.000đ là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước;

Đối với số tiền 36.727.000đ của các bị cáo gồm: Hoàng T 24.500.000đ; Ngô D1 1.522.000đ; Nguyễn V 9.100.000đ và T1 1.605.000đ, các bị cáo không sử

dụng số tiền trên vào việc đánh bạc, xét nên trả lại cho bị cáo nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành phần hình phạt.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 299; khoản 1, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Hoàng T; áp dụng Điều 38; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Hoàng D; áp dụng Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, đối với các bị cáo Ngô D1, Hoàng T, T1, Nguyễn V và Nguyễn P;

Tuyên bố các bị cáo Hoàng D, Ngô D1, Hoàng T, T1, Nguyễn V, Nguyễn P phạm tội “Đánh bạc”;

- Xử phạt bị cáo Hoàng D 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tính từ ngày tuyên án (24/5/2019).

- Xử phạt bị cáo Hoàng T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ 11 (mười một) ngày bị tạm giữ bằng 01 (một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Xử phạt bị cáo Ngô D1 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ 11 (mười một) ngày bị tạm giữ bằng 01 (một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Xử phạt bị cáo T1 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ 11 (mười một) ngày bị tạm giữ bằng 01 (một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức

được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn V 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ 11 (mười một) ngày bị tạm giữ bằng 01 (một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn P 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ 11 (mười một) ngày bị tạm giữ bằng 01 (một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Hoàng D cho Ủy ban nhân dân phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Hoàng D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao các bị cáo Nguyễn P, Nguyễn V, Ngô D1 và T1 cho Ủy ban nhân dân phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Hoàng T cho Ủy ban nhân dân phường An P, thị xã A, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 05% thu nhập của các bị cáo Hoàng T, Nguyễn P, Nguyễn V, Ngô D1 và T1 trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 lá; 01 chiếc bàn nhựa màu đỏ kích thước (43x64x50)cm; 04 ghế nhựa màu đỏ kích thước (21x26)cm.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với số tiền 5.520.000đ;

Trả lại cho bị cáo Hoàng T 24.500.000đ (*hai mươi bốn triệu, năm trăm nghìn đồng*); trả lại cho bị cáo Ngô D1 1.522.000đ (*một triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng*); trả lại cho bị cáo Nguyễn V 9.100.000đ (*Chín triệu, một trăm nghìn đồng*) và trả lại cho bị cáo T1 1.605.000đ (*một triệu, sáu trăm không năm nghìn đồng*).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 24/4/2019, giữa Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã A).

Về án phí: Buộc các bị cáo Hoàng D, Ngô D1, Hoàng T, T1, Nguyễn V, Nguyễn P mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (24/5/2019) bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Long Sơn

